TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 289/2017/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 12 - 2017
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Hội thẩm: Bà Tạ Thị Huế

Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 14/12/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 887/2017/TLST-HNGĐ ngày 08/11/2017 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 907/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05/12/2017 giữa các đương sự.

*1/ Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bé E** – sinh năm 1993 (có mặt)*

Trú tại: Số 18A, khóm 6, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau

*2/ Bị đơn: Anh **Liên Xuân V** - sinh năm 1990 (vắng mặt)*

Trú tại: Khóm 2, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Chị Nguyễn Thị Bé E trình bày như sau:*

Hôn nhân: Chị E với anh V tự nguyện chung sống với nhau năm 2011, đến năm 2013 đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh V không thương yêu, không quan tâm chăm sóc vợ con. Xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Con chung: Có 01 người tên Nguyễn Phước L (nam) – sinh ngày 06/02/2011 hiện đang chung sống với chị E, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Chị E xác định không có.

** Tại bản tự khai ngày 28/11/2017, anh Liên Xuân V trình bày:*

Anh V thừa nhận lời trình bày của chị E về thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Anh đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị E.

NHẬN ĐNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C.

[2] Về hôn nhân: Năm 2011 chị E với anh V chung sống với nhau, đến năm 2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố C nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Thấy rằng thời gian từ năm 2014 giữa chị E với anh V có phát sinh nhiều mâu thuẫn như anh chị đã trình bày là thực tế có xảy ra, điều này đã được anh chị cùng thừa nhận. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cự cải và thực tế thời gian từ năm 2014 giữa chị E với anh V không còn chung sống với nhau nên không còn thương yêu quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên tòa chị E giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh V, tại bản tự khai ngày 28/11/2017 anh V chấp nhận. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị E với anh V đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị E về việc được ly hôn với anh V.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phước L (nam) – sinh ngày 06/02/2011 hiện đang chung sống với chị E, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con, anh V đồng ý. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị E, giao Nguyễn Phước L cho chị E tiếp tục nuôi dạy.

Chị E không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh V không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do chị E với anh V xác định không có nên không xem xét.

[5] Án phí hôn nhân gia đình chị E phải nộp theo quy định.

[6] Về thủ tục tố tụng: Anh V có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với anh V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Liên Xuân V.

Áp dụng các 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé E.

Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé E được ly hôn với anh Liên Xuân V.

Con chung: Giao Nguyễn Phước L (nam) – sinh ngày 06/02/2011 hiện đang sống với chị E cho chị E tiếp tục nuôi dạy.

Anh V không cấp dưỡng nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Án phí về hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bé E phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ngày 08/11/2017 chị E đã dự nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C theo biên lai thu tiền số 0003940 nên được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm, chị E có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh V vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

"Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tp.C;
- Chi cục THADS tp.C;
- UBND phường 6, tp.C;
- Các đương sự;
- HSVA;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Phạm Việt Trung